

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX- PVC

Tầng 12, Tòa nhà Vinaconex, lô HH2 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm, Hà Nội

ĐT: (043)7875938 - FAX: (043)7875937 - Email: Vinaconex.pvc@gmail.com

Mã số thuế: 0102141289

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

6 tháng đầu năm 2011

Hà nội, tháng năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		892.626.552.916	555.435.594.419
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	133.564.054.682	40.009.705.298
Tiền	111		12.463.032.363	14.900.306.092
Các khoản tương đương tiền	112		121.101.022.319	25.109.399.206
II. Các khoản phải thu - ngắn hạn	130		544.816.531.711	399.216.605.529
Phải thu của khách hàng	131		214.331.447.498	214.812.287.957
Trả trước cho người bán	132		319.260.836.006	117.723.607.387
Phải thu ngắn hạn khác	135	4	11.224.248.207	66.680.710.185
III. Hàng tồn kho	140	5	199.886.822.484	113.456.074.132
Hàng tồn kho	141		199.886.822.484	113.456.074.132
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.359.144.039	2.753.209.460
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	1.214.920.189	567.035.850
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.238.484.918	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.905.738.922	2.186.173.610
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		359.852.349.057	285.769.967.139
I. Tài sản cố định	220		124.328.137.188	85.685.049.245
Tài sản cố định hữu hình	221	7	72.362.506.185	57.545.403.000
Nguyên giá	222		82.387.141.100	64.393.832.145
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.024.634.915)	(6.848.429.145)
Tài sản cố định vô hình	227		39.129.850	51.614.782
Nguyên giá	228		93.600.000	93.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.470.150)	(41.985.218)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	51.926.501.153	27.488.031.463
II. Các khoản đầu tư dài hạn	250		204.986.729.102	162.926.729.102
Đầu tư vào công ty con	251	9	65.060.000.000	41.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	9	3.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258	10	136.926.729.102	121.926.729.102
III. Tài sản dài hạn khác	260		30.537.482.767	37.758.188.792
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	30.537.482.767	37.758.188.792
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.252.478.901.973	841.205.561.558

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		924.676.001.049	777.973.690.210
I. Nợ ngắn hạn	310		794.385.399.718	660.471.423.952
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	331.514.176.431	217.903.134.111
Phải trả người bán	312		212.733.252.122	228.587.324.807
Người mua trả tiền trước	313		152.081.223.052	102.621.446.571
Các khoản thuế phải nộp Nhà nước	314	13	5.274.140.642	5.912.033.262
Phải trả người lao động	315		1.559.637.365	1.524.481.381
Chi phí phải trả	316			16.732.661.182
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	90.508.200.045	87.187.888.629
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		714.770.061	2.454.009
II. Vay và nợ dài hạn	330		130.290.601.331	117.502.266.258
Vay và nợ dài hạn	334	15	30.506.455.876	17.718.120.803
Doanh thu chưa thực hiện	338		99.784.145.455	99.784.145.455
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	327.802.900.924	63.231.871.348
I. Vốn chủ sở hữu	410		327.802.900.924	63.231.871.348
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	300.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		15.069.800.000	
Quỹ đầu tư và phát triển	417		2.195.093.830	205.261.725
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.123.204.630	128.288.578
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	420		9.414.802.464	12.898.321.045
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.252.478.901.973	841.205.561.558

Ngày 25 tháng 07 năm 2011

Người lập biểu

Vũ Thị Xuân

Vũ Thị Xuân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Hạnh

Nguyễn Thị Kim Hạnh



Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Đình Phong

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Người lập biểu

Uman

Kế toán trưởng

humanly

Nguyễn Thị Kim Hạnh

Ngày 15 tháng 01 năm 2008

Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC

H. TỰ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Đình Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CÔNG TY MẸ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II- Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế 6 tháng đầu năm	
		Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.482.841.767	4.775.919.903
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.963.035.352	4.895.948.126
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.375.051.560)	(2.533.051.144)
Chi phí lãi vay	06	22.543.955.130	2.198.413.049
3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08	30.614.780.689	9.337.229.934
(Tăng) các khoản phải thu	09	(143.623.102.149)	(180.168.772.381)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(86.430.748.352)	(34.498.070.492)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp)	11	24.169.297.911	210.210.594.498
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác	12	(11.605.934.579)	(59.596.013)
Lãi vay đã trả	13	(22.543.955.130)	(2.198.413.049)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.500.000.000)	(1.247.268.810)
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(282.600.000)	(142.150.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(211.202.261.610)	1.233.553.687
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(48.901.892.875)	(42.032.020.089)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.386.022.444	(33.500.000.000)
3. Chi đầu tư dài hạn	25	(42.060.000.000)	-
4. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.863.304.032	2.533.051.144
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(83.712.566.399)	(72.998.968.945)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu do nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	265.069.800.000	19.944.000.000
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	313.272.426.988	104.973.955.424
3. Trả nợ gốc vay	34	(186.873.049.595)	(14.900.861.464)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.000.000.000)	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	388.469.177.393	110.017.093.960
Tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ	50	93.554.349.384	38.251.678.702
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	40.009.705.298	49.963.944.056
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	133.564.054.682	88.215.622.758

Ngày 25 tháng 07 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng




Vũ Thị Xuân

Nguyễn Thị Kim Hạnh



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Đình Phong

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình điện đến 35KV, trang trí nội thất, ngoại thất công trình;
- San lấp mặt bằng, xử lý nền móng công trình;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán ô tô và máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán dụng cụ, công cụ, thiết bị hỗ trợ, cứu nạn;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng ô tô, cho thuê xe;
- Trồng và bán cây xanh;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô; và
- Sản xuất, mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, vật tư, vật liệu ngành xây dựng.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

- **Cơ sở lập báo cáo tài chính.**

Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài riêng giữa niên độ trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

- **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30
tháng 06 năm 2011

- **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn về việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau.

Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 trong việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái.

- **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

- **Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc khi đơn vị được đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

quá giá trị ghi sổ các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

- **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

- **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- **Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa : 6 năm
- Máy móc và thiết bị : 10 - 20 năm
- Phương tiện vận tải : 9 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng : 3 – 4 năm

• **Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

• **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

• **Chi phí trả trước dài hạn**

Thương hiệu nhượng quyền

Thương hiệu nhượng quyền phản ánh giá trị thương hiệu “Vinaconex” nhận được từ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam (“Vinaconex”) theo một hợp đồng li-xăng ký giữa hai bên với thời hạn 20 năm. Thương hiệu nhượng quyền được ghi nhận là chi phí trả trước, ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

Công cụ dụng cụ

Chi phí trả trước dài hạn gồm công cụ dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

- **Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

- **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

- **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán., và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ được sử dụng được.

- **Doanh thu**

- Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

- Hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

- **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

- **Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

- **Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

- **Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông của Công ty.

- **Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX- PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

30/06/2011

01/01/2011

VND

VND

Tiền mặt tại quỹ

4.358.929.688

10.835.126.330

Tiền gửi ngân hàng

8.104.102.675

4.065.179.762

Các khoản tương đương tiền (i)

121.101.022.319

25.109.399.206

Tiền và các khoản tương đương tiền

133.564.054.682

40.009.705.298

4. Các khoản phải thu khác

30/06/2011

01/01/2011

VND

VND

Phải thu khác về tạm ứng cho đội trưởng đội thi công

-

61.394.217.404

Phải thu khác

11.224.248.207

5.286.492.781

Tổng cộng

11.224.248.207

66.680.710.185

5. Hàng tồn kho

30/06/2011

01/01/2011

VND

VND

Công cụ và dụng cụ

429.178.000

429.178.000

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

199.457.644.484

113.026.896.132

Tổng cộng

199.886.822.484

113.456.074.132

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

30/06/2011

01/01/2011

VND

VND

Số dư tại ngày đầu kỳ

27.488.031.463

Mua mới trong kỳ

27.904.154.539

27.488.031.463

Giảm khác

(3.465.684.849)

Số dư tại ngày cuối kỳ

51.926.501.153

27.488.031.463

10. Đầu tư dài hạn khác

30/06/2011

01/01/2011

VND

VND

Công ty TNHH Thành Phố Xanh

20.000.000.000

20.000.000.000

Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO

101.926.729.102

101.926.729.102

Công ty CP đầu tư FIT

15.000.000.000

-

136.926.729.102

121.926.729.102

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Chi phí bảo hiểm VND	Công cụ và dụng cụ VND	Các chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2011	44.087.553	10.349.028	512.599.269	567.035.850
Mua sắm mới trong kỳ	375.692.490		1.112.498.694	1.488.191.184
Phân bổ trong kỳ	(104.378.994)	(10.349.028)	(725.578.823)	(840.306.845)
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2011	315.401.049	-	899.519.140	1.214.920.189

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Thuê văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Thương hiệu VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2011	10.307.953.873	21.944.039.698	5.464.109.590	42.085.631	37.758.188.792
Mua sắm mới trong kỳ		1.121.414.282		19.837.789	1.141.252.071
Phân bổ trong kỳ	(111.781.179)	(8.172.799.273)	(48.493.151)	(28.884.493)	(8.361.958.096)
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2011	10.196.172.694	14.892.654.707	5.415.616.439	33.038.927	30.537.482.767

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX- PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7. Biến động về Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	540.692.639	59.566.819.253	3.751.161.545	535.158.708	64.393.832.145
Mua sắm mới trong kỳ		17.204.136.037	2.607.441.137	44.909.091	19.856.486.265
Giảm do thanh lý và nhượng bán	(152.857.143)	(1.143.751.986)	(531.818.181)	(34.750.000)	(1.863.177.310)
Số dư tại ngày cuối kỳ	387.835.496	75.627.203.304	5.826.784.501	545.317.799	82.387.141.100
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	(111.210.629)	(6.250.120.907)	(337.118.462)	(149.979.147)	(6.848.429.145)
Hao mòn trong kỳ	(35.742.360)	(3.000.175.168)	(362.771.576)	(189.903.220)	(3.588.592.324)
Giảm do thanh lý và nhượng bán	27.170.815	289.275.127	73.580.326	22.360.286	412.386.554
Số dư tại ngày cuối kỳ	(119.782.174)	(8.961.020.948)	(626.309.712)	(317.522.081)	(10.024.634.915)
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	429.482.010	53.316.698.346	3.414.043.083	385.179.561	57.545.403.000
Số dư cuối kỳ	268.053.322	66.666.182.356	5.200.474.789	227.795.718	72.362.506.185

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9. Đầu tư vào Công ty Con, Công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa Chỉ	30/06/2011		01/01/2011	
			VND	% Sở hữu theo vốn thực góp	VND	% Sở hữu theo vốn thực góp
9.1. Đầu tư vào Công ty con						
	Công ty CP Đầu tư Vật liệu PVV (Công ty CP Đầu tư Vật liệu Vina- petro)	Tầng 10, tòa nhà CT3-1, Khu đô thị Mễ trì Hạ, thôn Mễ trì Hạ, Huyện từ Liêm, Hà Nội	4.900.000.000	70%	4.900.000.000	70%
1	Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV (Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Vina- petro)	Tầng 10, tòa nhà CT3-3, Khu đô thị Mễ trì Hạ, thôn Mễ trì Hạ, Huyện từ Liêm, Hà Nội	27.260.000.000	54,52%	4.900.000.000	70%
2	Công ty CP Kiến trúc Vina- Petro	Tầng 10, tòa nhà CT3-3, Khu đô thị Mễ trì Hạ, thôn Mễ trì Hạ, Huyện từ Liêm, Hà Nội	3.200.000.000	78%	1.500.000.000	62,50%
3	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Xây dựng Đông Thành	Đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản	29.700.000.000	100%	29.700.000.000	100%
4			<u>65.060.000.000</u>		<u>41.000.000.000</u>	
9.2. Đầu tư vào Công ty liên kết						
	Công ty CP Khai thác đá Thừa Thiên Huế (HSQ)	Số 323 Bùi Thị Xuân- Thành Phố Huế- Tỉnh Thừa Thiên Huế	3.000.000.000	43%	-	0%
1			<u>3.000.000.000</u>		<u>-</u>	

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX- PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

16. Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn [góp /cổ phần] VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2010	50.000.000.000	-	-	-	2.565.771.560	52.565.771.560
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	18.895.703.797	18.895.703.797
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	205.261.725	128.288.578	(333.550.303)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(179.604.009)	(179.604.009)
Cổ tức	-	-	-	-	(8.050.000.000)	(8.050.000.000)
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2011	50.000.000.000	-	205.261.725	128.288.578	12.898.321.045	63.231.871.348
Vốn góp/ vốn cổ phần	250.000.000.000	15.069.800.000	-	-	-	265.069.800.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.496.145.628	3.496.145.628
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	1.989.832.105	994.916.052	(3.979.664.209)	(994.916.052)
Cổ tức	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2011	300.000.000.000	15.069.800.000	2.195.093.830	1.123.204.630	9.414.802.464	327.802.900.924

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX- PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

12. Vay ngắn hạn

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Hội sở Ngân hàng Quốc tế VIB	76.910.885.475	44.087.341.336
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Kỷ	26.946.000.000	43.200.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Vn	136.844.936.824	87.684.292.647
Vay ngắn hạn cá nhân	76.579.525.612	36.143.268.251
Ngân hàng Liên Việt	2.700.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16)	11.532.828.520	6.788.231.877
	331.514.176.431	217.903.134.111

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế GTGT	-	623.793.631
Thuế TNDN	4.599.319.477	5.112.623.338
Thuế thu nhập cá nhân	674.821.165	175.616.293
	5.274.140.642	5.912.033.262

14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải trả một Ngân hàng Thương Mại (*)	80.000.000.000	80.000.000.000
Kinh phí công đoàn	382.242.906	290.524.060
Bảo hiểm xã hội	104.148.634	-
Lãi vay	5.398.825.394	2.651.403.638
Cổ tức	3.707.980.000	3.029.180.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	915.003.111	1.216.780.931
	90.508.200.045	87.187.888.629

(*) Đây là khoản tiền tạm ứng vốn Công ty nhận được từ một ngân hàng thương mại trong nước theo hợp đồng hợp tác đầu tư ký kết giữa Công ty và ngân hàng thương mại này để tài trợ một dự án xây dựng của Công ty

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX- PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

15. Vay dài hạn

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Ngân hàng TMCP Đại Dương	5.117.939.047	6.335.218.728
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Vn	36.921.345.349	18.171.133.952
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 12)	(11.532.828.520)	(6.788.231.877)
	30.506.455.876	17.718.120.803

17. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011		01/01/2011	
	Số CP	VND	Số CP	VND
<i>Vốn cổ phần được duyệt</i>				
Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	300,000,000,000	5,000,000	50,000,000,000
<i>Vốn cổ phần đã phát hành</i>				
Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	300,000,000,000	5,000,000	50,000,000,000
<i>Cổ phiếu đang lưu hành</i>				
Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	300,000,000,000	5,000,000	50,000,000,000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như sau đối với tài sản còn lại của Công ty.

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng năm 2011 VND	6 tháng năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.261.804.244	8.110.420.010
Hợp đồng xây dựng	246.986.770.334	91.430.807.809
	287.248.574.578	99.541.227.819

19. Giá vốn hàng bán

	6 tháng năm 2011 VND	6 tháng năm 2010 VND
Giá vốn hàng bán	34.581.775.641	6.513.558.290
Giá vốn hợp đồng xây dựng	223.252.030.642	80.746.652.688
	257.833.806.283	87.260.210.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng năm 2011 VND	6 tháng năm 2010 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.284.433.032	2.533.051.144
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	3.689.238.748	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	578.871.000	-
	8.552.542.780	2.533.051.144

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	6 tháng năm 2011 VND	6 tháng năm 2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	4.482.841.767	4.775.919.903
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(536.057.211)	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	578.871.000	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	578.871.000	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	42.813.789	-
Chi phí khấu hao không được khấu trừ	42.813.789	-
Thu nhập chịu thuế	3.946.784.556	4.775.919.903
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	986.696.139	1.193.979.976

22. Cổ tức

Theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/NQ/VN-PVC/ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2011, Công ty thực hiện chi trả cổ tức với tỷ lệ bằng 15% lợi nhuận sau thuế năm 2010 tương đương với số tiền là 10 tỷ đồng chẵn.

Ngày 25 tháng 07 năm 2011

Người lập

Vũ Thị Xuân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Hạnh

Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Đình Phong